

Phụ lục III

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

(Kèm theo Công văn số /SNV-CCHC&VTTL ngày /10/2024 của Sở Nội vụ)

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
1	TC 1.1 - Thực hiện kế hoạch CCHC	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</p> <p>a là tổng số điểm tối đa của các lĩnh vực CCHC trong Bộ tiêu chí (trừ công tác chỉ đạo điều hành).</p> <p>b là tổng số điểm đạt được của các lĩnh vực CCHC trong Bộ tiêu chí (trừ công tác chỉ đạo điều hành).</p> <p>Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0</p> <p>Lưu ý: Các lĩnh vực CCHC trong Bộ Tiêu chí bao gồm: (1) Cải cách thể chế, (2) Cải cách thủ tục hành chính, (3) Cải cách tổ chức bộ máy, (4) Cải cách chế độ công vụ, (5) Cải cách tài chính công, (6) Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số và Áp dụng ISO</p>	<ul style="list-style-type: none">- Kế hoạch CCHC năm;- Báo cáo CCHC năm;- TLKC khác nếu có.
2	TCTP 1.2.1 -Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	<ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định (Báo cáo Quý 1, 6 tháng, Quý III gửi chậm nhất ngày 15 của tháng cuối kỳ báo cáo; báo cáo năm gửi trước thời điểm chấm điểm CCHC cuối năm) và gửi trên Hệ thống quản lý hồ sơ công việc, cụ thể:+ Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung, số liệu và thời hạn theo quy định thì điểm đánh giá là 1.0;+ Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, số liệu, thời hạn gửi báo cáo: mỗi báo cáo trừ 0,25 điểm	<p>Các báo cáo CCHC định kỳ: Quý I, 6 tháng, Quý III; báo cáo năm</p>

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
3	TCTP 1.2.2 - Triển khai, thực hiện báo cáo đột xuất liên quan công tác chỉ đạo điều hành CCHC	<p>Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ, kịp thời số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định trên Hệ thống quản lý hồ sơ công việc của huyện, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Triển khai (hoặc báo cáo đột xuất) đầy đủ, kịp thời (về số lượng, nội dung, số liệu và thời hạn) theo quy định: 1 + Có 01 nội dung triển khai (hoặc báo cáo đột xuất) không đầy đủ, kịp thời theo quy định: 0,5 + Có 02 nội dung triển khai (hoặc báo cáo đột xuất) không đầy đủ, kịp thời theo quy định: 0,25 + Có từ 03 nội dung trở lên triển khai (hoặc báo cáo đột xuất) không đầy đủ, kịp thời theo quy định: 0 	Các văn bản triển khai hoặc báo cáo đột xuất liên quan công tác chỉ đạo điều hành CCHC.
4	TCTP 1.3.1 - Kết quả khắc phục tồn tại hạn chế sau kiểm tra do cấp trên chỉ ra, sau khi có kết quả xếp loại chỉ số CHCC của cấp huyện	<p>Tất cả số vấn đề tồn tại, hạn chế đã hoàn thành việc khắc phục: 2 Tất cả số vấn đề tồn tại, hạn chế đã khắc phục nhưng chưa hoàn thành thì tính theo công thức: $(b/a) * 2 + (c/a) * 1$ Trong đó: a) là tổng số vấn đề tồn tại, hạn chế phải khắc phục. b) là số vấn đề tồn tại, hạn chế đã hoàn thành việc khắc phục. c) là số vấn đề tồn tại, hạn chế đã khắc phục nhưng chưa hoàn thành. Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa Tất cả số vấn đề tồn tại, hạn chế chưa hoàn thành việc khắc phục: 0</p>	- Báo cáo kết quả kiểm tra và Hồ sơ, biên bản, kết quả khắc phục sau kiểm tra, tài liệu minh chứng các tồn tại đã được khắc phục
5	TCTP 1.4.1 - Kế hoạch tuyên truyền CCHC	<p>- Yêu cầu: + Nội dung Kế hoạch phải đầy đủ, chi tiết, đáp ứng nội dung và hình thức tuyên truyền theo định hướng của tỉnh, có bố trí kinh phí triển khai công tác tuyên truyền CCHC. + Ban hành Kế hoạch đảm bảo thời gian, chậm nhất 31/01 của năm kế hoạch. + Kết quả tuyên truyền CCHC phải thể hiện đầy đủ trong báo cáo định kỳ</p>	<p>- Kế hoạch CCHC năm; - Nội dung báo cáo kết quả tuyên truyền CCHC định kỳ 6 tháng, năm.</p>

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>(Quý, 6 tháng, năm) của đơn vị về CCHC và có tài liệu kiểm chứng.</p> <p>- Cách thức chấm điểm: Nếu kế hoạch tuyên truyền CCHC đáp ứng đầy đủ yêu cầu về nội dung và thời gian ban hành nêu trên thì điểm đánh giá là 0,25 điểm; Không ban hành kế hoạch hoặc ban hành kế hoạch không đảm bảo thời gian, không đầy đủ nội dung: 0 điểm.</p>	<p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</p>
6	TCTP 1.4.2 - Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	<p>- Yêu cầu:</p> <p>- Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (bao gồm một trong các hình thức: các đài phát thanh, đài truyền hình, báo in, báo điện tử và trang/cổng thông tin điện tử): 0,25. Nếu không thực hiện thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p> <p>- Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác (thông qua các hội nghị tập huấn chuyên đề CCHC, các cuộc họp giao ban, hội nghị sơ kết, tổng kết, tọa đàm về CCHC; tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC hoặc các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác): 0,5 điểm. Nếu không thực hiện thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p>	<p>- Biên bản, thông báo kết luận, giấy mời, tài liệu các cuộc họp;</p> <p>- Chuyên mục, các tin, bài tuyên truyền trên Cổng (Trang) thông tin điện tử của đơn vị;</p> <p>- Các hợp đồng tuyên truyền trên Đài PTTH tỉnh hoặc các cơ quan báo chí (nếu có);</p> <p>- Tài liệu tổ chức cuộc thi hoặc các tài liệu kiểm chứng khác.</p>
7	TC 1.5 - Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	<p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Có Quyết định công nhận (hoặc Văn bản ghi nhận) của cấp có thẩm quyền về hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trong năm đánh giá hoặc năm trước liền kề chưa được đánh giá.</p> <p>+ Sáng kiến hoặc giải pháp mới thuộc một trong các nội dung/lĩnh vực CCHC ((1) Chỉ đạo điều hành về CCHC, (2) cải cách thể chế, (3) cải cách thủ tục hành chính, (4) cải cách tổ chức bộ máy, (5) cải cách chế độ công vụ, (6) cải cách tài chính công, (7) xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số).</p> <p>- Cách tính điểm:</p>	<p>- Quyết định công nhận (hoặc Văn bản ghi nhận) của cấp có thẩm quyền về hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến.</p> <p>- Bản thuyết minh sáng kiến, giải pháp mới về CCHC, trong</p>

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>+ Có từ 03 sáng kiến, giải pháp mới trong triển khai nhiệm vụ CCHC được Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận về hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn huyện/thành phố/thị xã hoặc có sáng kiến được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận về hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh hoặc tương đương (trong năm đánh giá hoặc năm trước liền kề chưa được đánh giá): 2 điểm.</p> <p>+ Có 02 sáng kiến, giải pháp mới trong triển khai nhiệm vụ CCHC được Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận về hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn huyện/thành phố/thị xã (trong năm đánh giá hoặc năm trước liền kề chưa được đánh giá): 1,5 điểm</p> <p>+ Có 01 sáng kiến, giải pháp mới trong triển khai nhiệm vụ CCHC được Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận về hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn huyện/thành phố/thị xã (trong năm đánh giá hoặc năm trước liền kề chưa được đánh giá): 1 điểm</p> <p>+ Không có sáng kiến, giải pháp mới: 0 điểm.</p>	<p>đó nêu rõ: sáng kiến thuộc nội dung/lĩnh vực CCHC nào? Tính mới, tính hiệu quả và khả năng nhân rộng của sáng kiến, giải pháp mới. - TLKC khác nếu có.</p>
8	TC 1.6 - Đối thoại của lãnh đạo cấp xã với người dân, doanh nghiệp	<p>a) Có đối thoại/diễn đàn được tổ chức trong năm: 0,25 điểm b) Ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc đối thoại/diễn đàn: 0,25 điểm c) Mức độ xử lý đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp: 0,5 điểm Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số kiến nghị, đề xuất phải xử lý b là số kiến nghị, đề xuất đã xử lý xong</p> <p>Tổng điểm mục 1.6 là điểm tổng của các nội dung a,b,c trên.</p>	<p>- Giấy mời Hội nghị đối thoại; - Văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc đối thoại/diễn đàn; - Báo cáo kết quả xử lý kiến nghị, đề xuất của người dân.</p>
9	TC 1.7 - Thực hiện nhiệm vụ được UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao	<p>- Yêu cầu: Thống kê kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND/Chủ tịch UBND huyện giao (số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn/tổng số nhiệm vụ được giao) - Cách thức chấm điểm: Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times 1,5 + (c/a) \times 1$. Trong đó:</p>	<p>- Thống kê thực hiện các nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND huyện giao.</p>

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>a là tổng số nhiệm vụ được giao. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ. c là số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ."</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi trên Hệ thống theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ do UBND/Chủ tịch UBND huyện giao
10	TCTP 2.1.1 - Mức độ hoàn thành việc ban hành văn bản QPPL	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ chấm: Căn cứ số lượng nghị quyết của HĐND và quyết định của UBND được giao hoàn thành trong năm. + Nếu hoàn thành 100% thì điểm đánh giá là 0,5 điểm + Nếu hoàn thành từ 90 % đến dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,25 điểm + Nếu hoàn thành dưới 90 % thì điểm đánh giá là 0 điểm - Nếu trong năm không có văn bản phải được ban hành thì không chấm điểm; không tính cả tử và mẫu số Những văn bản chưa ban hành do yếu tố khách quan, đề nghị có giải trình lý do từng trường hợp cụ thể. 	<ul style="list-style-type: none"> - Danh mục văn bản giao quy định chi tiết trong năm. - Nghị quyết, Quyết định đã được ban hành - Dự thảo văn bản QPPL đang tham mưu
11	TCTP 2.1.2 - Chất lượng văn bản QPPL do cơ quan ban hành hoặc tham mưu ban hành	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ chấm: Văn bản đã ban hành phải đảm bảo đúng thẩm quyền, nội dung, thể thức trình bày và đảm bảo tính khả thi. + Nếu 100% văn bản đúng thẩm quyền, nội dung, thể thức trình bày và đảm bảo tính khả thi; không có văn bản ban hành hoặc tham mưu ban hành dưới hình thức văn bản hành chính chứa QPPL thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. + Nếu từ 80% đến dưới 100% văn bản đúng thẩm quyền, nội dung, thể thức trình bày và đảm bảo tính khả thi; không có văn bản ban hành hoặc tham mưu ban hành dưới hình thức văn bản hành chính chứa QPPL thì điểm đánh giá là 0,25 điểm. + Nếu dưới 80% văn bản đúng thẩm quyền, nội dung, thể thức trình bày và đảm bảo tính khả thi; không có văn bản ban hành hoặc tham mưu ban hành dưới hình thức văn bản hành chính chứa QPPL thì điểm đánh giá là 0 điểm. - Nếu trong năm không được giao tham mưu ban hành thì không chấm điểm; không tính cả tử và mẫu số 	<ul style="list-style-type: none"> - Danh mục văn bản QPPL đã ban hành hoặc tham mưu ban hành. - Kết quả kiểm tra của Phòng Tư pháp - Kết quả kiểm tra của cơ quan cấp tỉnh
12	TCTP 2.1.3 Thực hiện quy	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ chấm: Lập danh mục các văn bản do cơ quan được ban hành hoặc 	<ul style="list-style-type: none"> - Danh mục văn bản

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	trình xây dựng và ban hành VBQPPL	<p>tham mưu ban hành trong năm.</p> <p>+ Nếu 100% văn bản xây dựng đúng quy trình thì điểm đánh giá là 0,25 điểm.</p> <p>+ Nếu dưới 100% văn bản xây dựng đúng quy trình thì điểm đánh giá là 0 điểm</p>	<p>do cơ quan ban hành trong năm, trong đó nêu rõ thông tin về văn bản, thông tin về việc đã thực hiện các bước theo quy trình.</p> <p>- Hồ sơ ban hành văn bản.</p> <p>- Kết quả kiểm tra của Phòng Tư pháp</p> <p>- Kết quả kiểm tra của cơ quan cấp tỉnh</p>
13	TCTP 2.1.4 Công tác góp ý các dự thảo văn bản QPPL được lấy ý kiến	<p>- Căn cứ chấm: Lập danh mục tất cả các văn bản được lấy ý kiến và các văn bản đơn vị tham gia góp ý kiến.</p> <p>+ Nếu từ 80% đến dưới 100% văn bản thực hiện kịp thời, đầy đủ và có nội dung góp ý chất lượng thì điểm đánh giá là 0,75 điểm.</p> <p>+ Nếu từ 65% đến dưới 80% văn bản thực hiện kịp thời, đầy đủ và có nội dung góp ý chất lượng thì điểm đánh giá là 0,5 điểm</p> <p>+ Nếu từ 50% đến dưới 65% văn bản thực hiện kịp thời, đầy đủ và có nội dung góp ý chất lượng thì điểm đánh giá là 0,25 điểm</p> <p>+ Nếu dưới 50% văn bản thực hiện kịp thời, đầy đủ và có nội dung góp ý chất lượng thì điểm đánh giá là 0 điểm</p>	<p>- Văn bản góp ý</p> <p>- Danh mục các dự thảo văn bản QPPL được đề nghị cho ý kiến, trong đó nêu rõ thông tin về cơ quan đề nghị, số, ngày, trích yếu nội dung văn bản đề nghị, thời hạn đề nghị cho ý kiến; thông tin về văn bản đã cho ý kiến.</p>
14	TCTP 2.2.1.1 Tổ chức tự kiểm tra văn bản QPPL	<p>- Căn cứ chấm: Lập danh mục các văn bản phải thực hiện tự kiểm tra</p> <p>+ Tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ, đảm bảo chất lượng thì điểm đánh giá là 0,25 điểm</p> <p>+ Tổ chức thực hiện không kịp thời, đầy đủ hoặc không đảm bảo chất lượng thì điểm đánh giá là 0 điểm</p>	<p>- Danh mục văn bản đã ban hành và đưa vào tự kiểm tra;</p> <p>- Phiếu kiểm tra</p> <p>- Báo cáo kết quả</p>

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			kiểm tra.
15	TCTP 2.2.1.2 Xử lý văn bản sau kiểm tra	<p>- Căn cứ chấm: Lập danh mục văn bản phải xử lý hoặc tham mưu xử lý sau kiểm tra. Nếu tất cả các văn bản được xử lý thì điểm đánh giá là 0,25 điểm Có văn bản chưa xử lý thì điểm đánh giá là 0 điểm. - Trường hợp không có văn bản phải xử lý sau kiểm tra thì chấm điểm tối đa</p>	<p>- Văn bản yêu cầu xử lý văn bản sau kiểm tra. - Danh mục văn bản phải xử lý hoặc tham mưu xử lý sau kiểm tra. - Báo cáo kết quả xử lý hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế hoặc công bố hết hiệu lực</p>
16	TCTP 2.2.2.1 Công bố Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực hàng năm	<p>- Căn cứ chấm: Các văn bản sau khi có căn cứ phải được lập danh mục để thực hiện rà soát + Tổ chức thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng, đúng thời gian thì điểm đánh giá là 0,25 điểm + Thực hiện không đầy đủ hoặc không đảm bảo chất lượng hoặc không đúng thời gian quy định hoặc không tổ chức thực hiện thì điểm đánh giá là 0 điểm</p>	<p>- Quyết định công bố danh mục văn bản - Danh mục văn bản đưa vào rà soát Hoặc - Văn bản thể hiện việc thực hiện rà soát</p>
17	TCTP 2.2.2.2 Thực hiện rà soát văn bản QPPL khi có yêu cầu của cơ quan cấp trên (bao gồm cả rà soát thực hiện hệ thống hóa)	<p>- Căn cứ chấm: các văn bản sau khi có căn cứ phải được lập danh mục để thực hiện rà soát + Thực hiện kịp thời, đầy đủ, đảm bảo chất lượng thì điểm đánh giá là 0,25 điểm + Thực hiện không đầy đủ, kịp thời hoặc không đảm bảo chất lượng hoặc không tổ chức thực hiện thì điểm đánh giá là 0 điểm</p>	<p>- Văn bản yêu cầu rà soát của cơ quan cấp trên - Danh mục văn bản đưa vào rà soát Hoặc - Văn bản thể hiện việc thực hiện rà soát</p>
18	TCTP 2.2.2.3 Xử lý kết quả	<p>- Căn cứ chấm: Sau khi rà soát các văn bản không còn phù hợp phải được</p>	<p>- Danh mục văn bản</p>

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	sau rà soát	<p>thay thế, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc công bố hết hiệu lực theo quy định kịp thời</p> <p>+ Tất cả văn bản đã hoàn thành việc xử lý thì điểm đánh giá là 0,5 điểm</p> <p>+ Tất cả văn bản đã xử lý nhưng chưa có kết quả xử lý thì điểm đánh giá là 0,25 điểm</p> <p>+ Tất cả văn bản chưa xử lý thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p> <p>- Trường hợp vừa có văn bản đã hoàn thành việc xử lý vừa có văn bản đã xử lý nhưng chưa có kết quả xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a) * 0,5 + (c/a) * 0,25$, trong đó:</p> <p>+ Tổng số văn bản cần xử lý (a)</p> <p>+ Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý (b)+ Số văn bản đã tham mưu xử lý nhưng chưa có kết quả xử lý (c).</p> <p>- Trường hợp không có văn bản phải xử lý sau rà soát thì điểm đánh giá là 0,5 điểm</p>	<p>đã rà soát.</p> <p>- Văn bản thể hiện kết quả rà soát</p> <p>- Các văn bản QPPL thay thế, sửa đổi bổ sung, bãi bỏ, công bố hết hiệu lực</p>
19	TCTP 2.3.1 Tổ chức thực hiện các văn bản QPPL mới ban hành (Bộ luật; Luật; Nghị định; Thông tư; Nghị quyết; Quyết định của HDND, UBND cấp trên)	<p>- Căn cứ chấm: các văn bản QPPL thuộc ngành lĩnh vực quản lý sau khi được cơ quan có thẩm quyền ban hành phải được tổ chức thực hiện</p> <p>+ Tổ chức thực hiện kịp thời 100% văn bản QPPL thì điểm đánh giá là 1,5 điểm</p> <p>+ Tổ chức thực hiện kịp thời từ 80% đến dưới 100% văn bản QPPL thì điểm đánh giá là 1 điểm</p> <p>+ Tổ chức thực hiện kịp thời từ 60% đến dưới 80% văn bản QPPL thì điểm đánh giá là 0,5 điểm</p> <p>+ Tổ chức thực hiện kịp thời 50% đến dưới 60% văn bản QPPL thì điểm đánh giá là 0,25 điểm</p> <p>+ Tổ chức thực hiện kịp thời dưới 50% văn bản QPPL thì điểm đánh giá là 0 điểm</p>	Việc triển khai bằng hình thức Hội nghị hoặc gửi văn bản trên hệ thống hoặc hình thức khác (có tài liệu chứng minh cụ thể, chính xác)...
20	TCTP 2.3.2.1.1 Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật	<p>Căn cứ chấm:</p> <p>- Thu thập đầy đủ thông tin về thi hành pháp luật thì điểm đánh giá là 0,5 điểm</p>	Kết quả thu thập thông tin

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp có thông tin mà không thu thập đầy đủ thì điểm đánh giá là 0 điểm - Trường hợp không có thông tin để thu thập thì điểm đánh giá là 0,5 điểm 	
21	TCTP 2.3.2.1.2 Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật	<p>Thực hiện đầy đủ hoạt động kiểm tra về tình hình thi hành pháp luật trong năm của đơn vị, địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức kiểm tra thì điểm đánh giá là 0,25 điểm - Theo dõi kết quả xử lý sau kiểm tra thì điểm đánh giá là 0,25 điểm - Không thực hiện kiểm tra thì điểm đánh giá là 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch kiểm tra, Báo cáo kết quả kiểm tra. - Báo cáo kết quả sau kiểm tra hoặc Văn bản khác thể hiện việc xử lý kết quả sau kiểm tra
22	TCTP 2.3.2.1.3 Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật	<p>Căn cứ chấm:</p> <p>Thực hiện điều tra, khảo sát thì điểm đánh giá là 0,25 điểm</p> <p>Không thực hiện thì đánh giá là 0 điểm</p> <p>Trường hợp không được lấy ý kiến khảo sát thì không chấm điểm tiêu chí này, không tính cả tử số và mẫu số</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản được đề nghị lấy ý kiến khảo sát - Phiếu điều tra, khảo sát
23	TCTP 2.3.2.2 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ chấm: Nếu có thông tin về thi hành pháp luật hoặc quá trình kiểm tra phát hiện các sai sót trong tổ chức thi hành pháp luật thì phải được xử lý - Tất cả văn bản đã hoàn thành xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Tất cả văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý nhưng chưa hoàn thành thì điểm đánh giá là 0,25 điểm. - Tất cả văn bản không xử lý hoặc không kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0 điểm. - Trường hợp vừa có văn bản đã hoàn thành xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL vừa có văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý nhưng chưa hoàn thành thì điểm được đánh giá theo công thức: $(b/a)*0,5 + (c/a)* 0,25$, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Tổng số văn bản cần xử lý hoặc kiến nghị xử lý (a) + Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý hoặc kiến nghị xử (b) 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh; - Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp.

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		+ Số văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý nhưng chưa hoàn thành (c) - Trường hợp qua theo dõi không có vấn đề sai sót cần phải xử lý thì điểm đánh giá là 0,5 điểm	
24	TC 3.1 - Niêm yết, công khai TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã; trên Cổng/Trang thông tin điện tử của địa phương, đơn vị	100% Quyết định công bố Danh mục và Quy trình nội bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được niêm yết, công khai đầy đủ, đúng quy định: 0,5 điểm. Từ 95% - dưới 100% Quyết định công bố Danh mục và Quy trình nội bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được niêm yết, công khai đúng quy định: 0,25 điểm Dưới 95% Quyết định công bố Danh mục và Quy trình nội bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được niêm yết, công khai đúng quy định: 0 điểm	- Báo cáo Kiểm soát TTHC của đơn vị. - Hình ảnh chụp trực tiếp tại Bộ phận một cửa. - Kết quả niêm yết, công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị.
25	TCTP 3.2.1 - Tỷ lệ TTHC được tiếp nhận tại Bộ phận "Một cửa".	Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (trừ các TTHC đặc thù): 1 điểm Dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (trừ các TTHC đặc thù): 0 điểm	- Báo cáo Kiểm soát TTHC của đơn vị. - Kiểm tra thực tế trên Hệ thống thông tin tiếp nhận giải quyết TTHC của tỉnh.
26	TCTP 3.2.2. - Số hóa thủ tục hành chính	Tính theo công thức: a* điểm tối đa, trong đó a là tỷ lệ % số hoá trên Cổng DVCQG (tại thời điểm đánh giá) https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-mucdosohoa.html	Kiểm tra thực tế trên Cổng DVC Quốc gia
27	TCTP 3.2.3 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn, chậm giải quyết hồ sơ TTHC	Đầy đủ, đúng quy định: 0,5 Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0 (nếu không có sai sót, trễ hẹn thì đạt điểm tối đa của tiêu chí)	- Báo cáo KSTT của đơn vị. - Các văn bản xin lỗi tương ứng với hồ sơ

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			trễ hẹn, chậm giải quyết TTHC trong năm.
28	TCTP 3.2.4 Hồ sơ TTHC đủ điều kiện tiếp nhận giải quyết được nhập vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	100% hồ sơ TTHC nhập vào Hệ thống: 0,5 điểm Dưới 100% hồ sơ TTHC nhập vào Hệ thống: 0 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo KSTT của đơn vị. - Báo cáo tổng hợp phiếu đánh giá. - Kết quả theo dõi, đánh giá trên Hệ thống thông tin tiếp nhận giải quyết TTHC của tỉnh. - Kết quả theo dõi, đánh giá trên Cổng DVCQG.
29	TCTP 3.2.5 Cập nhật đầy đủ các trường thông tin, luân chuyển đúng hồ sơ, đúng hạn phân kỳ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (kiểm tra xác suất hồ sơ trên Hệ thống)	Thực hiện kiểm tra ngẫu nhiên 10 hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Từ 90 đến 100% hồ sơ TTHC được cập nhật, xử lý đúng quy định: 0,5 điểm Dưới 90% hồ sơ TTHC được cập nhật, xử lý đúng quy định: 0 điểm	Kiểm tra ngẫu nhiên trên hệ thống Thông tin giải quyết TTHC tỉnh.
30	TCTP 3.3.1 - Kết quả giải quyết TTHC	Tính theo công thức: $a \cdot \text{điểm tối đa}$, trong đó a là tỷ lệ % kết quả xử lý hồ sơ TTHC trên Cổng DVCQG (tại thời điểm đánh giá). https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tiendogiaiquyet.html	Kiểm tra thực tế trên Cổng DVC Quốc gia
31	TCTP 3.3.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận, xử lý, trả kết quả qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	100% hồ sơ được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: 1 điểm Từ 95 - dưới 100% hồ sơ được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: 0,5 điểm Dưới 95%: 0	Báo cáo kiểm soát TTHC của đơn vị. - Kết quả theo dõi trên Hệ thống thông tin tiếp nhận giải

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			quyết TTHC của tỉnh.
32	TCTP 3.4 - Bảo đảm cơ sở vật chất và điều kiện làm việc cho CBCCVV của các cơ quan ngành dọc được cử ra làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	- Bảo đảm đầy đủ: 0,5 - Không đầy đủ: 0	- Báo cáo kiểm soát TTHC của đơn vị.
33	TCTP 3.5.1 - Tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC tại cơ quan, đơn vị	- Có văn bản, hồ sơ, tài liệu (triển khai theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP) để chứng minh việc thực hiện tổ chức rà soát, đánh giá TTHC: 1 - Không có văn bản, tài liệu (không tổ chức điền biểu mẫu rà soát theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP) để chứng minh được việc tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá TTHC: 0	- Báo cáo rà soát, đánh giá TTHC trong năm của đơn vị. - Văn bản triển khai, các biểu, mẫu rà soát có liên quan
34	TCTP 3.5.2 - Kết quả thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	- Có báo cáo rà soát, đánh giá gửi cơ quan có thẩm quyền theo đúng thời gian quy định: 1 - Có báo cáo rà soát, đánh giá gửi cơ quan có thẩm quyền nhưng quá thời gian quy định: 0,5 điểm - Không có báo cáo rà soát, đánh giá gửi cơ quan có thẩm quyền: 0	- Các văn bản kiến nghị (nếu có). - Báo cáo rà soát, đánh giá TTHC, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC (nếu có) gửi cơ quan có thẩm quyền.
35	TCTP 3.6.1 Niêm yết, công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý PAKN theo quy định tại Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị	Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm	Link Cổng/Trang thông tin điện tử về địa chỉ PAKN của đơn vị
36	TCTP 3.6.2 Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với	"Tính điểm theo công thức: (b/a) *điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số kiến nghị phải trả lời.	Link Cổng/Trang thông tin điện tử về

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	b là số kiến nghị đã được trả lời. Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa."	Địa chỉ PAKN của đơn vị
37	TCTP 3.6.3 Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0,5 điểm Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0 điểm	Link Cổng/Trang thông tin điện tử về địa chỉ PAKN của đơn vị
38	TC 3.7 - Báo cáo định kỳ quý, năm và đột xuất về kiểm soát TTHC	Báo cáo đầy đủ và đúng quy định về thời gian, nội dung và các biểu mẫu: 1 điểm Có báo cáo nhưng quá thời gian quy định hoặc nội dung và các biểu mẫu báo cáo không đầy đủ: 0,5 điểm Không có báo cáo: 0 điểm	- Các báo cáo định kỳ Kiểm soát TTHC (báo cáo được thực hiện trên phần mềm HSCV và phần mềm báo cáo Chính phủ) - Không cần cung cấp TLKC về các báo cáo đột xuất (do Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện theo dõi trên phần mềm HSCV)
39	TC 4.1 - Bố trí số lượng lãnh đạo HĐND, UBND cấp xã	- Yêu cầu: Bố trí đảm bảo đúng quy định số lượng lãnh đạo theo Quyết định phân loại các đơn vị hành chính cấp xã. - Cách chấm điểm: Nếu thực hiện đúng quy định thì được 1 điểm; thực hiện không đúng thì được 0 điểm.	- Báo cáo phân loại đơn vị hành chính cấp xã và thực trạng bố trí. - Kiểm tra, theo dõi của phòng Nội vụ cấp huyện.
40	TC 4.2 - Sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đúng số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện	- Yêu cầu: Bố trí đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đúng số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện của từng chức danh theo quy định hiện hành. - Cách chấm điểm: + Nếu bố trí, phân công nhiệm vụ đúng số lượng cán bộ, công chức đạt 1	- Báo cáo việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã. - Các văn bản khác

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	của từng chức danh theo quy định hiện hành	điểm; thực hiện bố trí, phân công nhiệm vụ cán bộ, công chức cấp xã theo đúng tiêu chuẩn, điều kiện của từng chức danh: 1 điểm; + Nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ đạt 0 điểm	có liên quan.
41	TC 4.3 - Xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế làm việc của UBND cấp xã đảm bảo đúng quy định	- Yêu cầu: Xây dựng được quy chế làm việc của UBND cấp xã đảm bảo quy định, có chất lượng; triển khai và thực hiện có hiệu quả; thực hiện rà soát, sửa đổi bổ sung quy chế làm việc kịp thời (nếu có) - Cách chấm điểm: Có ban hành Quy chế đảm bảo đúng quy định thì điểm đánh giá đạt 0,5 điểm; thực hiện đảm bảo quy định thì điểm đánh giá đạt 0,5 điểm; có ban hành Quy chế nhưng không đảm bảo đúng quy định hoặc không ban hành thì điểm đánh giá đạt 0 điểm	- Quyết định ban hành quy chế làm việc của UBND cấp xã; sửa đổi, bổ sung (nếu có) - Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế.
42	TC 4.4 - Ban hành đầy đủ và thực hiện Kế hoạch công tác năm, hàng tháng và Báo cáo theo chức năng, nhiệm vụ	- Yêu cầu: Kế hoạch công tác năm phải đảm bảo được ban hành kịp thời và triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch; thực hiện báo cáo đầy đủ, kịp thời các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của cấp có thẩm quyền - Cách chấm điểm: Tính tỷ lệ % nhiệm vụ đã thực hiện so với tổng số nhiệm vụ theo kế hoạch công tác hàng năm, hàng tháng và báo cáo theo chức năng, nhiệm vụ. Nếu 100% kế hoạch, báo cáo được ban hành và thực hiện đầy đủ, đảm bảo quy định đạt 1 điểm; từ 80% đến dưới 100% số nhiệm vụ được thực hiện thì điểm đánh giá đạt 0,5 điểm; thực hiện không đầy đủ (dưới 80%) hoặc không thực hiện thì điểm đánh giá đạt 0 điểm.	- Kế hoạch công tác năm đánh giá. - Báo cáo kết quả thực hiện.
43	Tc 4.5 - Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và dân vận chính quyền ở đơn vị	- Yêu cầu: Việc tổ chức thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và dân vận chính quyền ở đơn vị phải đảm bảo đúng quy định hiện hành. - Cách chấm điểm: + thực hiện đầy đủ, đúng quy định quy chế dân chủ thì điểm đánh giá là 0,5; thực hiện đầy đủ, đúng quy định công tác dân vận chính quyền thì điểm đánh giá là 0,5. + không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ cả 02 nội dung thì điểm đánh giá đạt 0 điểm;	- Quy chế dân chủ cơ sở và dân vận chính quyền ở đơn vị. - Báo cáo kết quả thực hiện. - Các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện và các văn bản khác có liên quan.

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
44	TC 5.1 - Thực hiện quy định về văn hóa công vụ tại đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Đúng quy định: 0,5. - Không đúng quy định: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy chế văn hóa công vụ; - Văn bản chỉ đạo về văn hóa công vụ của đơn vị trong năm. - Kết luận, Thông báo kết quả kiểm tra hoặc Văn bản liên quan đến nội dung thực hiện văn hóa công vụ của đơn vị (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của cơ quan quản lý.
45	TC 5.2 - Thực hiện chế độ thôi việc, nghỉ hưu; chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức.	<ul style="list-style-type: none"> - Đúng quy định, kịp thời: 2 - Đúng quy định nhưng chưa kịp thời: 1 - Không đúng quy định: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị hoặc các quyết định về chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức đúng thời gian và quy định liên quan.
46	Tc 5.3 - Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức: a*điểm tối đa, trong đó a là tỷ lệ % hoàn thành - Chưa ban hành kế hoạch hoặc ban hành kế hoạch nhưng hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 	<ul style="list-style-type: none"> Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị, trong đó có cụ thể nội dung đào tạo, bồi dưỡng đến từng cán bộ, công chức; - Văn bản cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
47	TC 5.4 - Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 95% đến 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định thì tính điểm theo công thức: $a \cdot \text{điểm tối đa}$, trong đó a là tỷ lệ % cán bộ cấp xã đạt chuẩn - Dưới 95% cán bộ đạt chuẩn: 0 	Bảng thống kê số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã hiện có đến thời điểm đánh giá
48	TC 5.5 - Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 95% đến 100% công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $a \cdot \text{điểm tối đa}$, trong đó a là tỷ lệ % công chức cấp xã đạt chuẩn - Dưới 95% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0 	Bảng thống kê số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã hiện có đến thời điểm đánh giá
49	TC 5.6 - Cập nhật thông tin cán bộ, công chức vào phần mềm quản lý cán bộ, công chức của tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin hồ sơ CBCC được cập nhật đầy đủ và phê duyệt đúng thời gian quy định: 2 - Thông tin hồ sơ CBCCVC được cập nhật, phê duyệt nhưng chưa đầy đủ hoặc không đúng thời gian quy định: 1 - Thông tin hồ sơ CBCCVC không được cập nhật đầy đủ và phê duyệt đúng thời gian quy định: 0 	Riêng năm 2024 không thực hiện chấm điểm tiêu chí này (trừ cả tử số và mẫu số) do phần mềm đã hết thời gian thử nghiệm, chưa đưa vào khai thác sử dụng chính thức.
50	TCP 5.7.1 - Phê bình (do cấp trên phê bình)	<ul style="list-style-type: none"> - Trong năm đơn vị không có văn bản phê bình của cơ quan cấp trên: 2 điểm. - Trong năm đơn vị có 01 văn bản phê bình của cơ quan cấp trên: 01 điểm - Trong năm đơn vị có từ 02 văn bản phê bình của cơ quan cấp trên: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phê bình - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ tháng, quý, năm; báo cáo CCHC

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			quý, 6 tháng năm của đơn vị
51	TCTP 5.7.2 - Kiểm điểm (do cấp trên yêu cầu)	<ul style="list-style-type: none"> - Trong năm đơn vị không có cán bộ, công chức, viên chức bị cấp trên yêu cầu kiểm điểm: 1 điểm - Trong năm đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức bị cấp trên yêu cầu kiểm điểm: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị kiểm điểm của cơ quan cấp trên. - Báo cáo CCHC quý, 6 tháng năm của đơn vị
52	TCTP 5.7.3 - Kỷ luật (do cấp trên chỉ ra)	<ul style="list-style-type: none"> - Trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật do cấp trên chỉ ra lỗi vi phạm: 1 điểm - Trong năm có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật do cấp trên chỉ ra lỗi vi phạm: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo số liệu kỷ luật quý, 6 tháng, 9 tháng, năm của đơn vị - Báo cáo CCHC quý, 6 tháng năm của đơn vị
53	TC 5.8 - Báo cáo về lĩnh vực cán bộ, công chức (định kỳ, đột xuất)	<ul style="list-style-type: none"> - Đầy đủ, đúng quy định, kịp thời: 1 - Đầy đủ, đúng quy định nhưng chưa kịp thời: 0,5 - Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng kê ngành Nội vụ hàng năm hoặc các loại báo cáo theo chế độ báo cáo định kỳ do UBND tỉnh quy định. - Không cần cung cấp TLKC về báo cáo đột xuất (do Phòng Nội vụ theo dõi trên phần mềm HSCV).

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
54	TCTP 6.1.1 - Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước (NSNN)	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times$ điểm tối đa. Trong đó:</p> <p>a là tổng số tiền phải giải ngân theo kế hoạch (bao gồm cả nguồn năm trước chuyển sang).</p> <p>b là số tiền đã giải ngân.</p>	<p>- Báo cáo kết quả thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm đánh giá của UBND cấp huyện (có xác nhận của KBNN)</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)</p>
55	TCTP 6.1.2 - Giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times$ điểm tối đa. Trong đó:</p> <p>(a) là tổng số tiền được cấp trên phân bổ, bao gồm cả nguồn năm trước chuyển sang (không bao gồm số tiền được phân bổ sau ngày 30/9 năm thực hiện)</p> <p>(b) là số tiền đã giải ngân</p>	<p>Báo cáo kết quả thực hiện và giải ngân nguồn vốn trực tiếp thực hiện chương trình MTQG trong năm đánh giá của UBND cấp xã (có xác nhận của KBNN)</p>
56	TCTP 6.1.3 - Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	<p>- Yêu cầu: Sử dụng kinh phí theo đúng chế độ quy định và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; theo dự toán được giao; đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.</p> <p>- Cách thức chấm điểm:</p> <p>+ Không có sai phạm về sử dụng kinh phí được phát hiện trong năm đánh giá: 1,0 điểm.</p> <p>+ Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá nhưng đã khắc phục xong 0,7 điểm</p> <p>+ Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá nhưng chưa khắc phục xong thì tính theo công thức: (tỷ lệ hoàn thành x 0,7 điểm)</p>	<p>- Báo cáo của UBND cấp xã về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí NSNN hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá.</p> <p>- Biên bản kiểm tra tài chính nội bộ của các đơn vị trực thuộc</p>

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			(nếu có) - Các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan có thẩm quyền (nếu có). - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)
57	TCTP 6.1.4 - Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	<p>- Yêu cầu: Thống kê tổng số tiền phải nộp đã được Sở Tài chính, Kiểm toán Nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách trong 02 năm gần nhất (Ví dụ: Đánh giá cho năm 2024 thì thống kê tổng số các kiến nghị được chỉ ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong các năm 2023, 2024)</p> <p>- Cách thức chấm điểm: Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số tiền phải nộp NSNN b là số tiền đã nộp NSNN <i>* Trường hợp không có thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong hai 02 năm (năm đánh giá và năm trước liền kề) thì không chấm điểm tiêu chí này (trừ cả tử số và mẫu số).</i></p>	<p>- Báo cáo kết quả kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của UBND cấp xã.</p> <p>- Các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền trong 2 năm gần nhất.</p> <p>- Hồ sơ, tài liệu chứng từ thể hiện số tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị.</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)</p>
58	TCTP 6.1.5.1 - Phân bổ và giao dự toán	<p>- Yêu cầu: + Nghị quyết HĐND cấp xã về giao dự toán thu chi ngân sách + Quyết định của UBND cấp xã về giao dự toán thu chi ngân sách ban hành trước ngày 31/12 năm trước.</p> <p>- Cách thức chấm điểm:</p>	<p>- Nghị quyết HĐND cấp xã về giao dự toán thu chi ngân sách kèm các biểu mẫu theo quy định.</p>


STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> + Kịp thời, đầy đủ mẫu biểu theo quy định: 1,0 điểm. + Đầy đủ mẫu biểu theo quy định nhưng không kịp thời hoặc kịp thời nhưng không đầy đủ mẫu biểu theo quy định: 0,5 điểm + Không kịp thời và không đầy đủ biểu mẫu theo quy định: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của UBND cấp xã về giao dự toán thu, chi ngân sách kèm các biểu mẫu theo quy định.
59	TCTP 6.1.5.2 - Lập và nộp Báo cáo quyết toán năm	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Nộp Báo cáo quyết toán đầy đủ các mẫu biểu theo quy định, nộp kịp thời theo yêu cầu của UBND cấp huyện. - Cách thức chấm điểm: + Nộp đầy đủ mẫu biểu, kịp thời theo quy định: 1,0 điểm. + Nộp đầy đủ mẫu biểu nhưng không kịp thời hoặc nộp kịp thời nhưng thiếu mẫu biểu theo quy định: 0,5 điểm. - Không nộp kịp thời, không đầy đủ biểu mẫu theo quy định: 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo quyết toán của UBND cấp xã kèm các mẫu biểu theo quy định.
60	TCTP 6.1.5.3 - Công khai tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Công khai dự toán, quyết toán, tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý (06 tháng, năm)... theo quy định. - Cách thức chấm điểm: + Thực hiện công khai tài chính theo quy định: 2,0 điểm. + Thực hiện công khai tài chính nhưng chưa đảm bảo quy định: 1,0 điểm. + Không thực hiện công khai: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định công bố công khai ngân sách nhà nước và các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.
61	TC 6.1.6 - Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện đúng theo văn bản quy định, hướng dẫn hiện hành. + Đảm bảo đúng chế độ, quy định tài chính hiện hành. + Khuyến khích thực hiện khoán công tác phí, văn phòng phẩm,... - Cách thức chấm điểm: + Ban hành đầy đủ theo quy định: 1,0 điểm. + Ban hành nhưng chưa đầy đủ các nội dung theo quy định hoặc không có ý kiến đồng ý bằng văn bản của tổ chức công đoàn: 0,5 điểm. + Chưa ban hành: 0 điểm.. 	<ul style="list-style-type: none"> Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị
62	TC 6.1.7 - Chế độ báo cáo	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính và các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		trực tiếp hoặc của cơ quan tài chính kịp thời, đầy đủ, đúng quy định. - Cách thức chấm điểm: + Nộp đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 1,0 điểm. + Nộp đầy đủ nhưng không kịp thời hoặc nộp kịp thời nhưng không đầy đủ theo yêu cầu: 0,5 điểm. - Không nộp báo cáo theo yêu cầu: 0 điểm.	chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính. - Các loại báo cáo khác theo yêu cầu.
63	TCTP 6.2.1 - Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	-Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Đối tượng phải ban hành Quy chế gồm các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương từ cấp huyện trở lên do Chính phủ quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính. - Cách thức chấm điểm: + Ban hành đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư 144/2017/TT-BTC: 1,0 điểm. + Có ban hành nhưng chưa đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư 144/2017/TT-BTC: 0,5 điểm. - Chưa ban hành: 0 điểm	Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công
64	TCTP 6.2.2 - Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	- Thực hiện đúng các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công (đầu tư, xây dựng, mua sắm, xử lý tài sản công; lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản; sửa chữa tài sản; kiểm kê, kiểm tra tài sản; chế độ báo cáo tài sản công): 0,5 điểm. - Đã thực hiện báo cáo số liệu tài sản công để chuẩn hoá, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công: 0,5 điểm.	- Kế hoạch kiểm tra; Biên bản kiểm tra; Báo cáo kết quả kiểm tra; Thông báo kết luận kiểm tra về quản lý, sử dụng tài sản công. - Báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công. - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
65	TCTP 6.2.3 - Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	<p>- Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>Tính tỷ lệ % số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 80% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý: 1 - Từ 60%- dưới 80% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý: 0,7 - Dưới 60% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình sắp xếp lại, xử lý nhà, đất kèm theo văn bản phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất. - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)
66	TC 7a.1.1. Mức độ sử dụng các nền tảng, hệ thống số dùng chung của tỉnh	<p>Tỷ lệ sử dụng các nền tảng, hệ thống số dùng chung của tỉnh được tính cụ thể như sau</p> <p>$a =$ Số lượng nền tảng, hệ thống số dùng chung đã triển khai sử dụng</p> <p>$b =$ Tổng số nền tảng, hệ thống số dùng chung tối thiểu theo danh mục yêu cầu.</p> <p>Danh mục nền tảng, hệ thống số dùng chung của tỉnh theo yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP, IOC,...) 2) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (Công dịch vụ công/HTTT một cửa điện tử) 3) Hệ thống QLVB&ĐH tỉnh 4) Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh 5) Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh 6) Hệ thống quản lý CBCCVC tỉnh 7) Hệ thống khác theo yêu cầu của cơ quan chức năng (nếu có cập nhật) 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo chuyển đổi số của cơ quan. - Báo cáo cải cách hành chính của cơ quan. - Kiểm tra thực tế trên các hệ thống của đơn vị.

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		- Tỷ lệ= a/b - Cách thức chấm điểm: Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa	
67	TC 7a.1.2. Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại Trạm y tế cấp xã, trường học, cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn	Tỷ lệ triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại Trạm y tế cấp xã, trường học, cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn được tính cụ thể như sau: $a =$ Số trạm y tế, trường học, cơ sở giáo dục công lập (từ mầm non đến THCS) triển khai thanh toán không dùng tiền mặt $b =$ Tổng số trạm y tế, trường học, cơ sở giáo dục công lập (từ mầm non đến THCS) trên địa bàn xã, phường, thị trấn - Tỷ lệ= a/b - Cách thức chấm điểm: Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa	- Báo cáo chuyển đổi số của cơ quan. - Báo cáo cải cách hành chính của cơ quan. - Các tài liệu kiểm chứng khác có liên quan.
68	TC 7a.1.3.1. Tỷ lệ CBCC cấp xã có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	Tỷ lệ CBCC cấp xã có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân được tính cụ thể như sau: $a =$ Số CBCC cấp xã có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân $b =$ Tổng số CBCC cấp xã - Tỷ lệ= a/b - Cách thức chấm điểm: Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa	- Báo cáo chuyển đổi số của cơ quan. - Báo cáo cải cách hành chính của cơ quan. - Kiểm tra thực tế.
69	TC 7a.1.3.2. Tỷ lệ người dân ở độ tuổi trưởng thành thuộc xã (không tính CBCC cấp xã) có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	Tỷ lệ người dân ở độ tuổi trưởng thành thuộc xã (không tính CBCC cấp xã) có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân được tính cụ thể như sau: $a =$ Số người có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân (không tính CBCC cấp xã) $b =$ Tổng dân số từ 15 tuổi trở lên của xã, phường, thị trấn (không tính CBCC cấp xã)	- Báo cáo chuyển đổi số của cơ quan. - Báo cáo cải cách hành chính của cơ quan. - Kiểm tra thực tế.

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ= a/b - Cách thức chấm điểm: + Tỷ lệ $\geq 50\%$: Điểm tối đa + Tỷ lệ $< 50\%$: Tỷ lệ*Điểm tối đa 	
70	TC 7a.1.4. Tỷ lệ hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích có địa chỉ số theo chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông	<p>Tỷ lệ hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích có địa chỉ số theo chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông được tính cụ thể như sau:</p> <p>a= Số hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích có địa chỉ số</p> <p>b= Tổng số hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ= a/b - Cách thức chấm điểm: Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo chuyển đổi số của cơ quan. - Báo cáo cải cách hành chính của cơ quan. - Báo cáo của Bưu điện tỉnh. - Kiểm tra thực tế. <p><i>* Năm 2024 chưa đánh giá tiêu chí này (trừ tử số và mẫu số) vì Bộ TTTT đang tạm dừng triển khai.</i></p>
71	TCTP 7a.2.1 - Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Phải có danh mục được tạo lập hồ sơ điện tử trên Hệ thống Quản lý Văn bản và cập nhật đầy đủ Danh mục hồ sơ lên Hệ thống Quản lý Văn bản và Hồ sơ công việc của đơn vị (chỉ tính số hồ sơ lập được hồ sơ điện tử). a = Tổng số danh mục đã tạo lập hồ sơ điện tử trên Hệ thống Quản lý Văn bản và Hồ sơ công việc trong năm của đơn vị. b = Tổng số danh mục hồ sơ được cập nhật trên Hệ thống Quản lý Văn bản và Hồ sơ công việc của đơn vị (chỉ tính số hồ sơ lập được hồ sơ điện tử) 	Quyết định ban hành Danh mục Hồ sơ và Hình ảnh minh chứng kết xuất Danh mục hồ sơ theo giá trị a và b trên Hệ thống Quản lý Văn bản và

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>- Tỷ lệ % = a/b</p> <p>- Điểm:</p> <p>+ Nếu Tỷ lệ $\geq 50\%$: đạt 1.50 Điểm tối đa</p> <p>+ Tỷ lệ $< 50\%$: Tỷ lệ*Điểm tối đa</p> <p>- Cách xác định giá trị a, b theo file đính kèm</p>  <p>Cách tính a, b cập xa.docx</p>	Hồ sơ công việc của đơn vị
72	TCTP 7a.2.2 - Tỷ lệ báo cáo cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo	<p>"a= Số báo cáo được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh</p> <p>b= Tổng số báo cáo định kỳ của cơ quan UBND cấp xã phải thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh theo quy định (Không bao gồm nội dung mật)</p> <p>- Tỷ lệ= a/b</p> <p>- Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa"</p>	Do Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện theo dõi trên Hệ thống thông tin báo cáo.
73	TC 7a.2.3. Tỷ lệ văn bản (trừ văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước) trao đổi giữa cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng	<p>Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, cách tính tỷ lệ cụ thể như sau:</p> <p>a= Số văn bản đi thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trên hệ thống QLVB&ĐH)</p> <p>b= Tổng số văn bản đi của UBND cấp xã</p> <p>- Tỷ lệ= a/b</p> <p>- Cách thức chấm điểm: Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa</p> <p>Không tính các văn bản mật.</p>	<p>- Báo cáo chuyển đổi số của cơ quan.</p> <p>- Báo cáo cải cách hành chính của cơ quan.</p> <p>- Số liệu trên phần mềm.</p>
74	TC 7a.3.1 Trang TTĐT có đầy đủ các loại, mục thông tin cung cấp theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP	<p>Trang TTĐT của cấp xã được xây dựng và có đầy đủ các loại, mục thông tin cung cấp theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>- Cách thức chấm điểm:</p> <p>Đầy đủ và kịp thời: 1.5</p>	Trang thông tin điện tử của cấp xã

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		Đầy đủ nhưng không kịp thời: 0,5 Chưa đầy đủ và kịp thời: 0 điểm	
75	TCTP 7a.3.2.1 - Tỷ lệ số TTHC được triển khai DVC trực tuyến toàn trình	Lọc số TTHC mức độ (4) của đơn vị / Số TTHC quy định tại Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh (cập nhật đến hết tháng 10/2024): Tính điểm theo công thức: $a/b \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a = số lượng TTHC được triển khai DVC trực tuyến toàn trình. b = tổng số TTHC đủ điều kiện triển khai DVC trực tuyến toàn trình. Nếu $a/b < 0.90$ thì điểm đánh giá là 0.	Tra cứu trực tiếp trên hệ thống: https://dichvucong.hatinh.gov.vn/system/pages/danh-muc-dvc/danh-muc-thu-tuc.aspx
76	TCTP 7a.3.2.2 - Tỷ lệ số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Trích xuất dữ liệu từ hệ thống. Tính điểm theo công thức: $a/b \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a = số lượng TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến (a là dữ liệu cột V (cột 21 biểu tổng hợp DVCTT)) b = tổng số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tiếp và trực tuyến. (b là dữ liệu cột U (cột 20 biểu tổng hợp DVCTT))	Tra cứu trực tiếp trên hệ thống: https://motcua.hatinh.gov.vn/dvc/pages/thong-ke-table-thong-ke-thu-tuc-234.aspx
77	TCTP 7a.3.2.3 - Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tính theo công thức: $a \times \text{điểm tối đa}$, trong đó a là tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến trên Cổng DVCQG (tại thời điểm đánh giá). https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-dvctructuyen.html	Kiểm tra thực tế trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
78	TCTP 7a.3.3.1 - Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến	Tính điểm theo công thức: $(a/b) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến b là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	- Danh sách TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính. - Kiểm tra trên hệ thống DVCQG, Cổng DVC tỉnh
79	TCTP 7a.3.3.2 - Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	Lọc số thủ tục theo danh sách hồ sơ đã được thanh toán trên Cổng DVCQG. Tính điểm theo công thức: $(a/b) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến b là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến	- Danh sách TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến. Yêu cầu mỗi

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			thủ tục là 1 mã hồ sơ hoặc mã giao dịch - Kiểm tra trên hệ thống DVCQG, Cổng DVC tỉnh
80	TCTP 7a.3.3.3 - Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	Tính theo công thức: $a \cdot \text{điểm tối đa}$, trong đó a là tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến trên Cổng DVCQG (tại thời điểm đánh giá). https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-thanhtoantructuyen.html	Kiểm tra thực tế trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
81	TCTP 7.b.1: Công tác chỉ đạo, điều hành, báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao về xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 (<i>ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo, thực hiện các chế độ báo cáo</i>).	Yêu cầu: Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng áp dụng ISO 9001 tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc phải bám sát nội dung, thời gian văn bản chỉ đạo của tỉnh, kế hoạch, văn bản hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ (KH và CN), của UBND cấp huyện và thực tế xây dựng và áp dụng tại cơ quan, các đơn vị trực thuộc, đơn vị thuộc quản lý của ngành; Các nhiệm vụ được yêu cầu hoàn thành đúng quy định; Các báo cáo, văn bản góp ý (nếu được yêu cầu) phải đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian quy định về UBND cấp huyện qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc. Kết quả kiểm tra nếu đơn vị: + Thực hiện đầy đủ, kịp thời (tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc): 0,5 điểm. + Có thực hiện nhưng chưa đầy đủ, kịp thời: 0,25 điểm. + Không thực hiện: 0 điểm	- Các Kế hoạch, quyết định, công văn chỉ đạo, hướng dẫn; - Các báo cáo CCHC quý I, 6 tháng, quý III; cuối năm; Báo cáo kết quả xây dựng và áp dụng ISO 9001 năm; Báo cáo khác, các văn bản góp ý, triển khai các nội dung khác khi được yêu cầu (báo cáo, văn bản được tính là có nếu được gửi về UBND cấp huyện qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc). <i>Lưu ý: Cung cấp bản cứng hoặc bản mềm</i>

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			<i>pdf (ký số hoặc scan từ bản chính).</i>
82	TCTP 7b.2.1.1: Đánh giá mức độ tuân thủ quy trình/hướng dẫn hệ thống, yêu cầu tiêu chuẩn, các quy định liên quan	<p><i>Yêu cầu:</i> Thực tế áp dụng phải tuân thủ hoàn toàn các quy trình/hướng dẫn hệ thống đã ban hành, áp dụng. Xác định tỷ lệ các hồ sơ, tài liệu thể hiện quá trình thực hiện tại đơn vị đã tuân thủ hoàn toàn với quy trình/ hướng dẫn của hệ thống thông qua kiểm tra hồ sơ, tài liệu kiểm chứng cơ quan cung cấp (bản cứng nếu kiểm tra trực tiếp; bản pdf nếu kiểm tra qua phần mềm). Kết quả kiểm tra nếu đơn vị:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tuân thủ hoàn toàn theo quy trình/ hướng dẫn: 0,5 điểm. + Thực hiện nhưng chưa tuân thủ hoàn toàn theo quy trình/ hướng dẫn: 0,25 điểm. + Không thực hiện: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định ban hành tài liệu hệ thống; Quyết định ban hành Chính sách chất lượng; Mục tiêu chất lượng năm; Quyết định công bố phù hợp TCVN ISO 9001:2015; Danh mục tài liệu có nguồn gốc bên ngoài. - Hồ sơ quản lý rủi ro, cơ hội (Bảng nhận diện đánh giá, xử lý rủi ro, cơ hội và Kế hoạch giải quyết rủi ro, cơ hội). - Hồ sơ đánh giá nội bộ, xem xét của Lãnh đạo. - Hồ sơ khắc phục. <p><i>Lưu ý: Cung cấp bản cứng nếu kiểm tra trực tiếp, bản mềm pdf (ký số hoặc scan từ bản chính) nếu</i></p>

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			<i>kiểm tra qua phần mềm.</i>
83	TCTP 7b.2.1.2: Đánh giá việc sắp xếp, lưu trữ tài liệu, hồ sơ theo ISO TCVN 9001:2015 tại đơn vị	<p><i>Yêu cầu:</i> Tài liệu, hồ sơ phải được sắp xếp lưu trữ tuân thủ Quy trình/Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản đảm bảo được nhận biết và lập danh mục hồ sơ, sắp xếp lưu trữ đảm bảo dễ tìm, dễ lấy, dễ thấy, dễ kiểm tra và đảm bảo tính đồng nhất về phương pháp sắp xếp, nhãn mác cặp, file, mẫu mã cặp, phải phân định loại hồ sơ, bộ phận quản lý; Hồ sơ sau khi hết hạn lưu phải được hủy hoặc chuyển về kho lưu trữ.</p> <p>Xác định tỷ lệ % hồ sơ, tài liệu được lập danh mục hồ sơ, danh mục tài liệu thông qua kiểm tra, bốc mẫu cặp file tài liệu, hồ sơ (tại đơn vị) để chấm điểm. Kết quả kiểm tra nêu đơn vị:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đảm bảo từ 90% tài liệu, hồ sơ trở lên sắp xếp lưu trữ theo quy định: 0,5 điểm. + Đảm bảo từ 70% đến dưới 90% tài liệu, hồ sơ được sắp xếp, lưu trữ theo quy định: 0,25 điểm. + Dưới 70% tài liệu, hồ sơ được sắp xếp, lưu trữ theo quy định: 0 điểm. 	<p><i>Kiểm tra trực tiếp:</i> Kết quả kiểm tra thực tế tại các phòng, bộ phận, đơn vị trực thuộc, các cặp file tài liệu, hồ sơ được bốc mẫu; tài liệu chứng minh đơn vị có thực hiện theo dõi, cập nhật, quản lý việc sắp xếp, lưu trữ tài liệu, hồ sơ.</p> <p><i>Kiểm tra qua phần mềm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hình ảnh/video chứng minh việc sắp xếp lưu trữ tài liệu, hồ sơ tại đơn vị (đầy đủ tại các phòng, bộ phận); hình ảnh/video chi tiết (bên ngoài, bên trong) của cặp file đựng các loại hồ sơ khác nhau (số lượng cặp file, hồ sơ theo yêu cầu của người

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			<p>đánh giá nhưng không nhỏ hơn 10).</p> <p>- Tài liệu chứng minh đơn vị có thực hiện theo dõi, cập nhật, quản lý việc sắp xếp, lưu trữ tài liệu, hồ sơ.</p>
84	<p>TCTP 7b.2.2.1 Ban hành, áp dụng các quy trình nội bộ giải quyết công việc chuyên môn và điều hành tác nghiệp tại đơn vị (<i>không liên quan đến giải quyết TTHC</i>).</p>	<p><i>Yêu cầu:</i> Thực hiện việc xây dựng, ban hành và áp dụng các quy trình nội bộ giải quyết công việc chuyên môn và điều hành tác nghiệp (không liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính) tại đơn vị. Kết quả kiểm tra nêu đơn vị:</p> <p>+ Ban hành áp dụng từ 15 quy trình trở lên: 0,5 điểm; + Ban hành, áp dụng từ 10 đến dưới 15 quy trình: 0,25 điểm; + Ban hành áp dụng dưới 10 quy trình: 0 điểm.</p>	<p>- Quyết định ban hành tài liệu hệ thống quản lý chất lượng trong đó có bao gồm các quy trình nội bộ giải quyết công việc chuyên môn và điều hành tác nghiệp đang được áp dụng tại đơn vị.</p> <p>- Quyết định công bố phù hợp TCVN ISO 9001:2015. - Các quy trình đang được áp dụng.</p> <p><i>Lưu ý: Cung cấp bản cứng hoặc bản mềm pdf (ký số hoặc scan từ bản chính).</i></p>

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
85	TCTP 7b.2.2.2: Đánh giá mức độ tuân thủ các quy trình nội bộ giải quyết công việc tại đơn vị (<i>thông qua kiểm tra, bốc mẫu hồ sơ tại đơn vị để đánh giá</i>).	<p><i>Yêu cầu:</i> Thực tế áp dụng phải tuân thủ hoàn toàn quy trình nội bộ giải quyết công việc chuyên môn, điều hành tác nghiệp đã ban hành, áp dụng. Xác định tỷ lệ % số hồ sơ, tài liệu thể hiện quá trình thực hiện đã tuân thủ hoàn toàn với quy trình thông qua kiểm tra, bốc mẫu hồ sơ tại đơn vị. Kết quả kiểm tra đơn vị:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tuân thủ hoàn toàn theo các quy trình: 0,5 điểm. + Đáp ứng từ 70% đến dưới 100% quy trình đã công bố: 0,25 điểm. + Đáp ứng dưới 70% quy trình đã công bố: 0 điểm. 	<p>Các quy trình đang được áp dụng tại đơn vị và hồ sơ thực hiện theo quy trình kèm theo.</p> <p>Ví dụ: Đơn vị áp dụng 10 quy trình thì cần cung cấp 10 quy trình và 10 bộ hồ sơ phát sinh kèm theo của 10 quy trình đang áp dụng.</p> <p><i>Lưu ý: Cung cấp bản cứng nếu kiểm tra trực tiếp, bản mềm pdf (ký số hoặc scan từ bản chính) nếu kiểm tra qua phần mềm.</i></p>
86	TCTP 7b.2.3.1: Đánh giá mức độ tuân thủ quy trình TTHC thông qua xem xét tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn	<p><i>Yêu cầu:</i> Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính phải đảm bảo đúng hoặc trước thời hạn quy định. Thông qua tra cứu, trích xuất số liệu thống kê hồ sơ tiếp nhận và giải quyết của đơn vị trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh http://dichvucong.hatinh.gov.vn (trước đây là Cổng dịch vụ công tỉnh) trong năm để kiểm tra và xác định tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn. Kết quả kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn: 0,5 điểm. + Từ 80% - dưới 100% hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn: 0.25 điểm. 	<p>- Trích xuất số liệu thống kê hồ sơ tiếp nhận và giải quyết của đơn vị trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh trong năm.</p>

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		+ Dưới 80% hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn: 0 điểm	- Đơn vị cần cung cấp tài khoản, mật khẩu đăng nhập của đơn vị trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (yêu cầu tài khoản có thể kiểm tra, theo dõi tất cả các hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết trong năm).
87	TCTP 7b.2.3.2: Đánh giá mức độ tuân thủ quy trình TTHC thông qua kiểm tra, bốc mẫu hồ sơ tại đơn vị kết hợp kiểm tra trên Cổng dịch vụ công quốc gia/hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để đánh giá (đã loại trừ các hồ sơ quá hạn ở 7b.2.3.1).	<p><i>Yêu cầu:</i> Thực tế áp dụng phải tuân thủ hoàn toàn quy trình nội bộ thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố. Xác định tỷ lệ % số hồ sơ đã giải quyết tuân thủ hoàn toàn với quy trình thông qua bốc mẫu hồ sơ giải quyết của đơn vị và kết hợp kiểm tra trên Cổng dịch vụ công Quốc gia/hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Kết quả kiểm tra nếu đơn vị:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tuân thủ hoàn toàn theo quy trình đã công bố 1,5 điểm; + Đáp ứng từ 90% đến dưới 100% theo quy trình đã công bố: 1,0 điểm; + Đáp ứng từ 80% đến dưới 90% theo quy trình đã công bố: 0,75 điểm; + Đáp ứng từ 70% đến dưới 80% theo quy trình đã công bố: 0,5 điểm; + Đáp ứng từ 50 đến dưới 70% theo quy trình đã công bố: 0,25 điểm; + Đáp ứng dưới 50% theo quy trình đã công bố: 0 điểm. 	- Các Quy trình nội bộ TTHC và hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính phát sinh theo quy trình đã được giải quyết tại đơn vị, đơn vị trực thuộc. (Lĩnh vực giải quyết; số lượng hồ sơ, mã hồ sơ; quy trình TTHC cần cung cấp theo yêu cầu của người đánh giá nhưng cần đảm bảo hồ sơ được bốc ở nhiều lĩnh vực và không nhỏ hơn 10 bộ

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			<p>giải quyết theo 10 quy trình tương ứng).</p> <p><i>Lưu ý: Cung cấp bản cứng nếu kiểm tra trực tiếp, bản mềm pdf (ký số hoặc scan từ bản chính) nếu kiểm tra qua phần mềm. Trường hợp hồ sơ được yêu cầu cung cấp thực hiện trực tuyến toàn trình thì có thể cung cấp mã hồ sơ để tra cứu, kiểm tra trên hệ thống</i></p> <p><i>http://dichvucong.gov.vn hoặc http://dichvucong.hatinh.gov.vn.</i></p>
88	<p>TCTP 7.b.2.3.3: Đánh giá việc tuân thủ quy trình điện tử giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia/ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (thông qua kiểm tra trực tiếp trên Cổng/hệ thống (đã loại</p>	<p><i>Yêu cầu:</i> Thực tế áp dụng phải tuân thủ đồng thời quy trình nội bộ thủ tục hành chính và quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công Quốc gia/ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (trước đây là Cổng dịch vụ công tỉnh) có file kết quả giải quyết thủ tục hành chính gắn kèm. Xác định tỷ lệ % số hồ sơ đã giải quyết tuân thủ hoàn toàn với quy trình thông qua kiểm tra trực tiếp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh. Kết quả kiểm tra:</p> <p>+ Tuân thủ theo quy trình, có file kết quả gắn kèm: 0,5 điểm.</p>	<p>Quá trình xử lý hồ sơ giải quyết các thủ tục hành chính đã phát sinh trên Cổng dịch vụ công Quốc gia/ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh</p> <p>http://dichvucong.hatinh.gov.vn và hồ sơ</p>

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	<i>trừ các hồ sơ quá hạn ở 7b.2.3.1))</i>	<p>+ Đáp ứng từ 60% đến dưới 100% theo quy trình, có file đính kèm kết quả: 0,25 điểm.</p> <p>+ Đáp ứng dưới 60% quy trình, có file đính kèm kết quả: 0 điểm</p>	<p>giải quyết thủ tục hành chính trên thực tế.</p> <p>Đơn vị cần cung cấp tài khoản, mật khẩu đăng nhập của đơn vị trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (yêu cầu tài khoản có thể kiểm tra, theo dõi tất cả các hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết trong năm).</p>
89	TCTP 8a - Đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp	<p>Tính theo công thức: $a \cdot \text{điểm tối đa}$, trong đó a là tỷ lệ % mức độ hài lòng trên Cổng dịch vụ công quốc gia (tại thời điểm đánh giá)</p> <p>https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-mucdohailong.html</p>	Kiểm tra thực tế trên Cổng DVC Quốc gia
90	TC 8b.1 Mức độ thu hút đầu tư	<p>* Thống kê số lượng dự án đầu tư hoặc tổng mức đầu tư các dự án thu hút trên địa bàn xã, phường, thị trấn để đánh giá, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 3 dự án trở lên hoặc Tổng mức đầu tư các dự án trên 40-100 tỷ: thì điểm đánh giá là 2 điểm. - Từ 1 - 2 dự án hoặc Tổng mức đầu tư các dự án < 40 tỷ: thì điểm đánh giá là 1.5 điểm. - Không có dự án nào: thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
91	TC 8b.2 Thực hiện thu ngân sách theo kế hoạch được giao	<p>Tính tổng thu ngân sách trong năm đánh giá so với Kế hoạch thu ngân sách được HĐND huyện, thành phố, thị xã giao năm đánh giá:</p> <p>- Cách thức chấm điểm:</p> <p><i>Điểm đánh giá được tính theo công thức:</i></p> $x = (a/b) * 100$ <p><i>Trong đó:</i></p> <p><i>x là tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch thu NSNN.</i></p> <p><i>a là tổng thu ngân sách đạt được trong năm đánh giá;</i></p> <p><i>b là Tổng kế hoạch HĐND tỉnh giao thu ngân sách năm đánh giá</i></p> <p>- Nếu vượt chỉ tiêu theo kế hoạch được giao ($x > 100\%$) thì điểm đánh giá là 1,5 điểm;</p> <p>- Nếu hoàn thành chỉ tiêu theo kế hoạch được giao ($x = 100\%$) thì điểm đánh giá là 1 điểm;</p> <p>- Nếu không hoàn thành chỉ tiêu theo kế hoạch được giao ($x < 100\%$) thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p> <p>Ví dụ: Tổng Kế hoạch HĐND huyện/thành phố/thị xã giao thu năm 2024 trên địa bàn xã A là 55 tỷ đồng; kết quả thu ngân sách năm 2024 đạt được 50 tỷ đồng, thì $50 \text{ tỷ} / 55 \text{ tỷ} * 100 = 90,9\%$, ($< 100\%$) đạt 0 điểm.</p>	<p>- Tổng hợp kết quả thu ngân sách trong năm đánh giá (số liệu từ 01/01 đến ngày yêu cầu chốt số liệu để đánh giá) hoặc Tổng hợp ước thu ngân sách trong năm đánh giá (trường hợp lấy số liệu trước 31/12; số liệu từ 01/01 ước đến ngày 31/12 của năm đánh giá);</p>
92	8b.3 Tỷ lệ đóng góp của doanh nghiệp, Hợp tác xã vào thu	<p>Tính số thu từ DN, HTX đóng góp vào ngân sách xã, phường, thị trấn trong năm đánh giá (số thu từ thuế, phí, lệ phí) so với năm trước liền kề:</p> <p>- Cách thức chấm điểm:</p>	<p>- Tổng hợp số thu từ DN, HTX nộp vào ngân sách năm đánh giá (số liệu từ</p>

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	ngân sách của xã (đóng góp từ thuế, phí, lệ phí)	<p><i>Điểm đánh giá được tính theo công thức:</i></p> $x = (a/b) * 100$ $y = (c/d) * 100$ <p><i>Trong đó:</i></p> <p><i>x là tỷ lệ % thu thuế, phí, lệ phí từ khu vực DN, HTX (trừ các khoản thu từ đất đai) trong năm đánh giá;</i></p> <p><i>y là tỷ lệ % thu thuế, phí, lệ phí từ khu vực DN, HTX (trừ các khoản thu từ đất đai) của năm trước liền kề năm đánh giá;</i></p> <p><i>a là Tổng thu NSNN đạt được năm đánh giá;</i></p> <p><i>b là Tổng thu thuế, phí, lệ phí từ khu vực DN, HTX (trừ các khoản thu từ đất đai) trong năm đánh giá;</i></p> <p><i>c là Tổng thu NSNN đạt được năm trước liền kề năm đánh giá;</i></p> <p><i>d là Tổng thu thuế, phí, lệ phí từ khu vực DN, HTX (trừ các khoản thu từ đất đai) của năm trước liền kề năm đánh giá;</i></p> <p>- Nếu tăng thì điểm ($x > y$) đánh giá là 1 điểm;</p> <p>- Nếu không tăng ($x \leq y$) thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p> <p>Ví dụ: Tổng thu ngân sách năm 2023 của xã A đạt 55 tỷ đồng, trong đó thu từ DN, HTX đạt 15 tỷ đồng; Năm 2024 đạt 65 tỷ đồng, trong đó thu từ DN, HTX đạt 20 tỷ đồng, vậy tỷ lệ đóng góp của doanh nghiệp, Hợp tác xã vào thu ngân sách của xã A đạt 1 điểm vì năm 2023 thu từ DN, HTX</p>	<p><i>01/01 đến ngày yêu cầu chốt số liệu để đánh giá) hoặc Tổng hợp ước thu từ DN, HTX nộp vào ngân sách xã (trường hợp lấy số liệu trước 31/12; số liệu từ 01/01 ước đến ngày 31/12 của năm đánh giá);</i></p> <p>- Tổng hợp số thu từ DN, HTX nộp vào ngân sách xã của năm liền kề năm đánh giá.</p> <p>- Tổng hợp số thu ngân sách của năm đánh giá (số liệu từ 01/01 đến ngày yêu cầu chốt số liệu để đánh giá) và Ước thu ngân sách năm đánh giá (trường hợp lấy số liệu trước 31/12; số liệu từ 01/01 ước đến ngày</p>

STT	Tên/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>chiếm (15/55) * 100 = 27,3%, năm 2024 chiếm thu từ DN, HTX (20/65) * 100 = 30,8%.</p> <p>Năm 2024 (30,8%) > năm 2023 (27,3%).</p>	<p>31/12 của năm đánh giá);</p> <p>- Tổng hợp kết quả thu ngân sách của năm trước liền kề năm đánh giá.</p>
93	TC 8b.4 Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, đối ngoại do HĐND xã giao	<p>Tính điểm theo công thức: $((b+c)/a)*2,00 + (d/a)*1,50$. Trong đó:</p> <p>a là tổng số chỉ tiêu được giao theo kế hoạch</p> <p>b là tổng số chỉ tiêu vượt so với kế hoạch</p> <p>c là tổng số chỉ tiêu đạt tối đa và bằng năm trước liền kề</p> <p>d là tổng số chỉ tiêu đạt so với kế hoạch</p> <p>Nếu tỉ lệ $(b+c+d)/a < 0,70$ thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>Không đánh giá mức độ thực hiện đối với các chỉ tiêu sau: (1) Đã hết hiệu lực vào thời điểm đánh giá, (2) Chưa đánh giá được kết quả thực hiện hoặc ước thực hiện vào thời điểm đánh giá.</p>	<p>- Nghị quyết của HĐND xã về phát triển kinh tế xã hội năm đánh giá (hoặc Nghị quyết điều chỉnh nếu có);</p> <p>- Báo cáo có nội dung đánh giá kết quả thực hiện cả năm đối với các chỉ tiêu tại Nghị quyết của HĐND xã về phát triển kinh tế xã hội năm đánh giá;</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</p>